ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA
ĐẢNG UỶ XÃ NHƯ THANH
*

Số 465 - CV/ĐU
Về việc tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Như Thanh, ngày 18 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Như Thanh.

Thực hiện Công văn số 1306-CV/VPTU ngày 17/6/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Để Đảng ủy xã có cơ sở tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương. Ban Thường vụ Đảng ủy đề nghị Ủy ban nhân dân xã tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW *(tổng hợp thông tin, số liệu từ ngày 01/7/2025 đến ngày 18/6/2026)*; hoàn thành và báo cáo về Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Văn phòng Đảng ủy xã) **trước 09 giờ, ngày 19/6/2026** *(chi tiết các tiêu chí chấm điểm theo Phụ lục kèm theo)*.

Trên đây là nội dung quan trọng, Ban Thường vụ Đảng ủy đề nghị Ủy ban nhân dân xã nghiêm túc thực hiện và báo cáo đúng thời gian quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY XÃ NHƯ THANH
ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA

Trần Tuấn Long

Phụ lục: Bảng chấm điểm

(Kèm theo Công văn số -CV/ĐU ngày tháng 6 năm 2026 của Đảng ủy xã)

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
A	**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN**		**70**			
I	**VỀ CÔNG TÁC CHỈ, ĐẠO ĐIỀU HÀNH VÀ THAM MƯU CẤP ỦY**		**12**			
1	**Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành, tham mưu**		**3**			
1.1	Ban hành đầy đủ Kế hoạch thực hiện hành động gắn với vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chuyên trách và người đứng đầu (có điểm mới, đột phá cụ thể so với đầu năm 2025)	Số kế hoạch	1,5	Quyết định, Kế hoạch, Chương trình hành động chính thức của Cấp ủy/Tổ chức Đảng/Lãnh đạo cơ quan ban hành.	- Ban hành đầy đủ, đúng thời hạn và có ít nhất 01 nội dung mới, giải pháp đột phá được lượng hóa bằng chỉ tiêu cụ thể: Đạt 1,5 điểm. - Ban hành đầy đủ nhưng không có nội dung mới hoặc ban hành chậm: Đạt 0,75 điểm. - Không đạt: 0 điểm.	
1.2	Minh chứng được các khó khăn, vướng mắc thực tế đã được tháo gỡ thành công; tạo tác động tích cực rõ rệt đối với hoạt động tham mưu nội bộ và đối tượng thụ hưởng.	Số vụ việc	1,5	Văn bản kết luận của Lãnh đạo cấp trên; Báo cáo tổng kết có số liệu chứng minh hiệu quả trước và sau khi tháo gỡ.	- Tháo gỡ dứt điểm ít nhất 01 khó khăn, vướng mắc có kết quả rõ ràng: Đạt 1,5 điểm. - Đã triển khai xử lý nhưng chưa có kết quả cuối cùng: Đạt 0,75 điểm. - Không đạt: 0 điểm.	
2	**Về việc thực hiện nhiệm vụ được giao**		**6**			

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
2.1	Tỷ lệ hoàn thành đúng hạn các nhiệm vụ thực hiện NQ57 được giao trên hệ thống theodoinq.dcs.vn đạt trên 95%	%	3	Trích xuất dữ liệu giám sát từ Hệ thống thông tin theodoinq.dcs.vn (hoặc nq57.vn).	- Tỷ lệ hoàn thành đúng hạn trên 95%: 3,0 điểm. - Từ 90% đến dưới 95%: Đạt 1,5 điểm. - Dưới 90%: 0 điểm.	
2.2	Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất, bảo đảm chất lượng thông tin, số liệu chính xác	% thực hiện	3	Văn bản gửi báo cáo (chữ ký số/dấu văn thư) và lịch sử tiếp nhận trên hệ thống quản lý văn bản điều hành.	- 100% báo cáo đúng hạn, chính xác: Đạt 3 điểm. - Có 01-02 lần chậm hoặc đính chính: Đạt 1,5 điểm. - Từ 03 lần trở lên: 0 điểm.	
3	**Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp**		**3**			
3.1	Tỷ lệ giải quyết dứt điểm phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, cán bộ đảng viên đúng thời hạn quy định (đạt 100%)	% đúng thời hạn	2	Số liệu kết xuất từ Hệ thống một cửa PAKN204 hoặc Cổng dịch vụ công, Hệ thống tiếp dân.	- Đạt 100% đúng hạn: Đạt 2 điểm. - Từ 95% đến dưới 100%: Đạt 1 điểm. - Dưới 95%: 0 điểm.	
3.2	Có cơ chế tiếp nhận, thử nghiệm và ứng dụng thực tiễn ít nhất 01 sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính, quản trị nội bộ hiệu quả trong năm	Số sáng kiến	1	Quyết định công nhận sáng kiến của Hội đồng khoa học/Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở trở lên.	- Có ít nhất 01 sáng kiến áp dụng hiệu quả: Đạt 1,0 điểm. - Có sáng kiến chưa áp dụng: Đạt 0,5 điểm. - Không có: 0 điểm.	
II	**VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH NỘI BỘ**		**16**			
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp	Số văn bản	7	Quyết định ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Chính phủ/Địa phương),	- Ban hành 100% văn bản theo đúng chương trình xây dựng pháp	

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
	luật, quy định, hướng dẫn thuộc thẩm quyền đảm bảo tính kịp thời, đồng bộ			Quy định/Hướng dẫn (khối Đảng), Nghị quyết (Quốc hội).	luật/kế hoạch công tác năm: Đạt 7,0 điểm. - Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% danh mục văn bản: Đạt 3,5 điểm. - Hoàn thành dưới 80%: Đạt 2 điểm.	
2	Tổ chức đánh giá tác động chính sách toàn diện; cắt giảm và đơn giản hóa ít nhất 20% quy định, thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ không cần thiết	% TTHC được cắt giảm	9	Báo cáo đánh giá tác động; Văn bản quy định phê duyệt phương án cắt giảm quy trình/TTHC.	- Từ 20% trở lên: Đạt 9,0 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: Đạt 4,5 điểm. - Dưới 10%: 0 điểm.	
III	**VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ SỐ HÓA**		**42**			
1	**Về thủ tục Hành chính (TTHC), quy trình nghiệp vụ và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)**		**5**			
1.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình (hoặc quy trình nghiệp vụ toàn trình) có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm thực tế (Mục tiêu >80%).	%	1	Nhật ký vận hành hệ thống kết xuất số liệu hồ sơ điện tử trực tuyến.	- Tỷ lệ phát sinh hồ sơ thực tế trên 80%: Đạt 1 điểm. - Tỷ lệ từ 60% đến dưới 80%: Đạt 0,5 điểm. - Dưới 60%: 0 điểm.	
1.2	Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính (hoặc văn bản phê duyệt nội bộ) được xuất bản dưới dạng bản điện tử có giá trị pháp lý hoàn chỉnh để tái sử dụng (Mục tiêu 100%).	%	1	Dữ liệu Kho số hóa kết quả TTHC/Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc trực tuyến.	- Đạt tỷ lệ 100% số hóa đầu ra và ký số hợp lệ: Đạt 1 điểm. - Đạt từ 80% đến dưới 100%: Đạt 0,5 điểm. - Dưới 80%: 0 điểm.	

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
1.3	Tỷ lệ TTHC/Quy trình nội bộ được cắt giảm, đơn giản hóa hoặc thay thế thành phần hồ sơ nhờ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số đã có (Mục tiêu >80%).	%	2	Báo cáo kỹ thuật kết nối liên thông và chia sẻ kho dữ liệu dùng chung.	- Tỷ lệ hồ sơ giảm khai báo nhờ tái sử dụng dữ liệu trên 80%: Đạt 2 điểm. - Từ 50% đến dưới 80%: Đạt 1 điểm. - Dưới 50%: 0 điểm.	
1.4	Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính/vấn đề xử lý được triển khai tiếp nhận và giải quyết trực tuyến không phụ thuộc vào địa giới hành chính (Mục tiêu >70%).	%	1	Danh mục TTHC phi địa giới hành chính công bố chính thức và số liệu tiếp nhận thực tế.	- Trên 70%: Đạt 1 điểm. - Từ 50% đến dưới 70%: Đạt 0,5 điểm. - Dưới 50%: 0 điểm.	
2	**Về hạ tầng, kiến trúc số**		**5**			
2.1	Tỷ lệ máy chủ, hệ thống CNTT lõi của cơ quan được chuyển dịch và vận hành an toàn trên hạ tầng điện toán đám mây (Cloud).	%	1	Hợp đồng kỹ thuật, Biên bản bàn giao hạ tầng Cloud hoặc báo cáo kỹ thuật trung tâm dữ liệu.	- Tỷ lệ hệ thống lõi đưa lên Cloud >80%: Đạt 1 điểm. - Tỷ lệ từ 50% đến dưới 80%: Đạt 0,5 điểm. - Dưới 50%: 0 điểm.	
2.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị trực thuộc kết nối thông suốt và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước ổn định.	%	2	Biên bản kiểm thử đường truyền của Nhà cung cấp dịch vụ; thông số kiểm soát băng thông định kỳ.	- 100% các đơn vị trực thuộc kết nối thông suốt, độ sẵn sàng liên lạc >99,9%: Đạt 2 điểm. - Có đơn vị chưa kết nối hoặc kết nối thiếu ổn định: Đạt tối đa 1 điểm.	
2.3	Hoàn thành nâng cấp băng thông trục chính, hạ tầng mạng nội bộ băng rộng tốc độ cao phục vụ các ứng dụng số dùng chung hiệu năng lớn.	Có/Không	1	Biên bản nghiệm thu dự án đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ (LAN/WAN).	- Đạt 100% mục tiêu nâng cấp theo đúng tiến độ kế hoạch năm 2025-2026: Đạt 1 điểm. - Triển khai chậm tiến độ: 0,5 điểm.	

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
2.4	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ (Mục tiêu 100%).	%	1	Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn thông tin kèm biên bản kiểm tra ATTT, ANM của cơ quan chức năng.	- 100% hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo cấp độ : Đạt 1,0 điểm. - Dưới 100%: Trừ điểm tỷ lệ thuận.	
3	**Về các nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực**		**3**			
3.1	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ chủ yếu trên môi trường điện tử (Mục tiêu đạt cao).	%	0,5	Báo cáo đánh giá định kỳ chuyển đổi số nội bộ của văn phòng cơ quan.	- Trên 90% công việc quản trị nội bộ thực hiện trên môi trường số: Đạt 0,5 điểm. - Từ 70% đến dưới 90%: Đạt 0,25 điểm. - Dưới 70%: 0 điểm.	
3.2	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được tiếp nhận, xử lý, ký số cá nhân/tổ chức và phát hành hoàn toàn dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật).	%	0,8	Số liệu trích xuất từ Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp (VBDH).	- Trên 90% văn bản được ký số toàn trình: Đạt 0,8 điểm. - Không đạt tỷ lệ trên: Đạt tối đa 0,4 điểm.	
3.3	Tỷ lệ nhiệm vụ, chỉ tiêu được Lãnh đạo giao được cập nhật tiến độ, theo dõi sát sao và tự động đánh giá sản phẩm trên Hệ thống điều hành tác nghiệp.	%	0,8	Nhật ký giám sát công việc (Task Log) trên Hệ thống điều hành tác nghiệp của đơn vị.	- 100% các ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo được số hóa, cập nhật tiến độ tự động: Đạt 0,8 điểm. - Dưới 100%: Đạt tối đa 0,4 điểm.	
3.4	Mức độ số hóa, liên thông quy trình nội bộ, nghiệp vụ chuyên môn ngành kết nối đồng bộ theo chu trình xử lý công việc trực tuyến khép kín.	% số quy trình được số hoá	0,9	Sơ đồ quy trình công nghệ đã được cấu hình hóa và phê duyệt vận hành.	- Thiết lập được chu trình liên thông trực tuyến khép kín không giấy tờ từ >5 quy trình chuyên môn cốt lõi trở lên: Đạt 0,9 điểm.	

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
					- Thiết lập được chu trình liên thông trực tuyến khép kín không giấy tờ từ <5 quy trình chuyên môn cốt lõi: Đạt 0,45 điểm. - Không có quy trình được số hóa: 0 điểm.	
4	**Về Dữ liệu số**		**3**			
4.1	Triển khai hoàn thành kho dữ liệu điện tử riêng của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (hoặc hệ thống hồ sơ cán bộ) để không phải nộp lại hồ sơ.	Có/Không	2	Giấy xác nhận tính năng Kho dữ liệu đã vận hành thực tế trên môi trường sản xuất (Production).	- Trên 80% tổ chức, công dân được cấp kho dữ liệu số riêng và tự động tái sử dụng thông tin cũ khi nộp hồ sơ mới: Đạt 2 điểm. - Từ 50% đến dưới 80% tổ chức, công dân được cấp kho dữ liệu số riêng và tự động tái sử dụng thông tin cũ khi nộp hồ sơ mới: Đạt 1 điểm. - Dưới 50%: đạt 0 điểm.	
4.2	Thực hiện đầy đủ quy trình kiểm tra chất lượng dữ liệu định kỳ; bảo mật tuyệt đối thông tin, không để xảy ra sự cố rò rỉ dữ liệu.	Sự cố lộ lọt	1	Biên bản kiểm tra an ninh mạng; báo cáo định kỳ của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.	- Không để xảy ra sự cố lộ lọt dữ liệu và thực hiện kiểm tra định kỳ: Đạt 1 điểm. - Có cảnh báo nhưng không phát sinh sự cố: Đạt 0,5 điểm. - Có sự cố lộ lọt dữ liệu: 0 điểm.	
5	**Nguồn nhân lực cho Chuyển đổi số**		**2**			
5.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tham gia đào tạo, tập huấn kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin mạng (Mục tiêu 100%).	Tỷ lệ % CBCCVC được đào tạo	1,5	Quyết định mở lớp, Danh sách cán bộ tham gia tập huấn kèm chứng	- Đạt tỷ lệ 100% cán bộ được tập huấn kỹ năng số cơ bản và nâng cao: Đạt 1,5 điểm.	

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
		kỹ năng số/ATTT		nhận/chứng chỉ hoàn thành khóa học.	- Tỷ lệ đạt từ 80% đến dưới 100%: Đạt 0,75 điểm. - Dưới 80%: 0 điểm.	
5.2	Tổ chức phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn cài đặt sử dụng các dịch vụ số thiết yếu trực tiếp cho người dân thông qua mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng.	Số buổi/lượt phổ cập qua Tổ CNS cộng đồng	0,5	Báo cáo kết quả triển khai của các địa phương; danh sách phân công hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.	- Trên 80% hộ gia đình được tiếp cận: Đạt 0,5 điểm. - Từ 50% đến dưới 80%: Đạt 0,25 điểm. - Dưới 50%: 0 điểm.	
6	**Việc triển khai Trí tuệ nhân tạo (AI - First) vào quản trị công**		**5**			
6.1	Có chiến lược/kế hoạch cụ thể hóa hành động ưu tiên ứng dụng AI vào các hoạt động quản lý nhà nước, văn phòng cấp ủy và dịch vụ công.	Văn bản	2	Kế hoạch/Chương trình hành động ứng dụng AI được người đứng đầu cơ quan phê duyệt văn bản ký tên.	- Ban hành kế hoạch AI-First: Đạt 2 điểm. - Chưa ban hành: 0 điểm.	
6.2	100% cán bộ, công chức được tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo an toàn, trách nhiệm.	Tỷ lệ	3	Danh sách cán bộ tham dự tập huấn AI; Tài liệu chương trình và bài đánh giá sát hạch đầu ra.	- 100% cán bộ được tập huấn về AI và ký cam kết bảo mật thông tin khi sử dụng AI: Đạt 3 điểm. - Tỷ lệ đạt dưới 100%: Trừ điểm tỷ lệ thuận.	
7	**Việc phát triển kinh tế dữ liệu**		**10**			
7.1	Đăng ký danh mục và hoàn thành số hóa, chuẩn hóa hệ thống dữ liệu mở (Open Data) của ngành, địa phương sẵn sàng chia sẻ rộng rãi.	Bộ dữ liệu	5	Quyết định công bố danh mục dữ liệu mở; đường dẫn công khai trên cổng dữ liệu mở quốc gia/địa phương.	- Công bố chính thức danh mục và số hóa >20 bộ dữ liệu mở đạt chuẩn lên cổng dữ liệu mở Open Data: Đạt 5 điểm. - Công bố chính thức danh mục và	

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
					số hóa dưới 20 bộ dữ liệu mở đạt chuẩn lên cổng dữ liệu mở Open Data: Đạt 2,5 điểm. - Không có dữ liệu: Đạt 0 điểm.	
7.2	Đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu tuyệt đối; không để xảy ra các sự cố lộ lọt, rò rỉ dữ liệu dùng chung hoặc dữ liệu cá nhân.	Có/Không	5	Chứng nhận hệ thống đạt tiêu chuẩn kiểm thử ATTT; không có văn bản nhắc nhở/xử lý sự cố lộ lọt.	- Bảo đảm an toàn 100%, không phát sinh bất kỳ cảnh báo nguy cơ lộ lọt dữ liệu từ cấp có thẩm quyền (A05, Cục ATTT): Đạt 5 điểm. - Có sự cố về an toàn thông tin: 0 điểm	
8	**Triển khai 3-5 Bài toán lớn**		**5**			
8.1	Xác định và ban hành danh mục Bài toán lớn gắn với lợi thế cạnh tranh của địa phương/Bộ ngành, cơ quan.	Danh mục	4	Danh mục các bài toán lớn đăng ký thực hiện	- Đăng ký danh mục từ 03 đến 05 Bài toán lớn cần giải quyết bằng công nghệ: Đạt 4 điểm. - Đăng ký danh mục dưới 03 Bài toán lớn cần giải quyết bằng công nghệ: Đạt 4 điểm. - Không đăng ký: 0 điểm	
8.2	Tiến độ triển khai thực tế (hoàn thành ít nhất 50% khối lượng công việc đề ra trong năm).	Tỷ lệ	1	Báo cáo giám sát tiến độ định kỳ; biên bản nghiệm thu khối lượng công việc theo phân kỳ đầu tư dự án.	- Khối lượng công việc tích lũy hoàn thành >50% theo đúng tiến độ kế hoạch đề án đã phê duyệt: Đạt 1 điểm. - Khối lượng công việc tích lũy hoàn thành dưới 50% theo đúng tiến độ kế hoạch đề án đã phê duyệt: 0 điểm.	
9	**Về phát triển kinh tế số, xã hội số**		**4**			

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
9.1	Tỷ lệ người dân trưởng thành ứng dụng và sử dụng thành thạo danh tính điện tử (VNeID) và tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt.	%	1	Số liệu thống kê từ Công an tỉnh/thành phố và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh địa phương.	- Tỷ lệ người dân sử dụng thành thạo VNeID và thanh toán số >85%: Đạt 1 điểm. - Tỷ lệ từ 70% đến dưới 85%: Đạt 0,5 điểm.	
9.2	Tỷ lệ người dân sử dụng thường xuyên ít nhất 1 dịch vụ số thiết yếu (DVCTT, Thuế điện tử, Điện/Nước trực tuyến, Y tế số, Giáo dục số).	%	1	Báo cáo tổng hợp số liệu người dùng từ các ngành: Thuế, Y tế, Giáo dục, Công Thương.	- Tỷ lệ đạt >80% dân số trưởng thành: Đạt 1 điểm. - Tỷ lệ đạt từ 60% đến dưới 80%: Đạt 0,5 điểm.	
9.3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) trên địa bàn quản lý áp dụng các nền tảng số vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại điện tử.	%	1	Báo cáo đánh giá mức độ sẵn sàng công nghệ của doanh nghiệp do Sở - KHCN chủ trì	- Tỷ lệ doanh nghiệp SMEs ứng dụng nền tảng số >50%: Đạt 1 điểm. - Tỷ lệ đạt từ 30% đến dưới 50%: Đạt 0,5 điểm.	
9.4	Triển khai hiệu quả các giải pháp hỗ trợ, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền, thúc đẩy phổ cập điện thoại thông minh và cáp quang internet băng rộng.	Có/Không	1	Biên bản kiểm tra hạ tầng viễn thông; danh sách vùng lõm sóng đã được xóa bỏ trong năm.	- 100% các thôn, bản, vùng lõm sóng có hạ tầng cáp quang và sóng di động 4G ổn định: Đạt 1 điểm. - Còn vùng lõm chưa được xử lý dứt điểm: Đạt tối đa 0 điểm.	
B	**HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ**		**30**			
I	**TÍNH MỚI VÀ TÍNH ĐỘT PHÁ CỦA GIẢI PHÁP VÀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ**		**15**			
1	Giải pháp chưa từng được áp dụng tại cơ quan, đơn vị hoặc ngành, địa	Có/Không	10	Báo cáo thuyết minh tính khoa học và thực tiễn của	- Giải pháp tiên phong, đột phá: Đạt 10 điểm.	

TT	Tên tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm tối đa	Hướng dẫn tài liệu minh chứng	Mô tả/hướng dẫn đánh giá	Điểm tự đánh giá
	phương khác; có tư duy tiếp cận mới, đi thẳng vào giải quyết nút thắt cốt lõi.			giải pháp; Văn bản thẩm định chuyên môn độc lập.	- Giải pháp cải tiến hiệu quả: Đạt 5 điểm. - Không chứng minh được tính mới: 0 điểm.	
2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến hoặc phương thức quản trị vượt trội thay thế hoàn toàn quy trình truyền thống lỗi thời.	Có/Không	5	Quy trình vận hành hệ thống công nghệ mới được phê duyệt; Báo cáo thông số kỹ thuật hạ tầng.	- Thay thế trên 80% quy trình truyền thống: Đạt 5,0 điểm. - Thay thế một phần: Đạt 2,5 điểm. - Không chứng minh được hiệu quả: 0 điểm.	
II	**KHẢ NĂNG LAN TỎA CỦA MÔ HÌNH**		**15**			
1	Được lựa chọn làm điểm sáng, mô hình mẫu để tổ chức hội nghị tham quan, học tập kinh nghiệm trên quy mô toàn tỉnh hoặc toàn quốc.	Số đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm cấp Bộ/Tỉnh	5	Thông báo kết luận của cấp trên về việc tổ chức đoàn học tập kinh nghiệm; Danh sách đại biểu tham gia đoàn.	- Có ít nhất 01 đoàn tham quan cấp tỉnh/bộ: Đạt 5 điểm. - Không có: 0 điểm.	
2	Tạo hiệu ứng truyền thông tích cực sâu rộng, truyền cảm hứng hành động và định hình xu hướng phát triển mới trong lĩnh vực liên quan.	Số bài viết/phóng sự	10	Tổng hợp liên kết (link), bản in hoặc đĩa DVD ghi hình các phóng sự, bài báo đã được đăng tải chính thức.	- Từ 05 bài viết/phóng sự trở lên: Đạt 10 điểm. - Từ 01-04 bài: Đạt 5 điểm. - Không có: 0 điểm.	